

Các chương trình phần mềm cho hoạt động dịch vụ nói chung và hoạt động thanh toán nói riêng của các ngân hàng Việt Nam cũng không theo một tiêu chuẩn chung nào. Có ngân hàng chọn giải pháp của một công ty Thụy Sĩ, có ngân hàng lại chọn giải pháp của các công ty Malaysia, Hàn Quốc, Singapore.

VŨ THỊ HẢI MINH

LIÊN KẾT CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM



Làn sóng hội nhập đang từng bước tiến đến rất gần các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Có thể nhận thấy sự chuẩn bị khẩn trương nhưng không kém phần vững chắc của các ngân hàng Việt Nam trước làn sóng này. Có thể coi năm 2006 và 2007 là giai đoạn cuối của những công tác chuẩn bị cho hội nhập và hầu như tất cả các NHTM Việt Nam đều nhận thức rõ những thời cơ, thuận lợi cũng như những thách thức, trở ngại của tiến trình hội nhập đối với ngành Ngân hàng nói chung và từng ngân hàng nói riêng. Một trong những biểu hiện cụ thể nhất là các ngân hàng Việt Nam đang cố gắng phát huy những mặt mạnh và hạn chế những mặt yếu của bản thân, đồng thời nỗ lực tìm hiểu ưu và nhược của những đối thủ cạnh tranh để có được những bước đi thích hợp.

Liên kết giữa các ngân hàng là một tất yếu bởi lẽ nó là một nhu cầu phát triển của bản thân mỗi tổ chức. Khi phát triển đến một trình độ nhất định, tự nó sẽ phải điều chỉnh quy mô hoạt động của mình cho phù hợp. Sự thay đổi về chất dẫn đến một sự thay đổi về lượng (về quy mô), đó là một tất yếu. Để đáp ứng nhu cầu này, tự các tổ chức có thể lớn mạnh để thích nghi, nhưng có những trường hợp rất cần phải có sự trợ lực từ bên ngoài. Đối với các NHTM Việt Nam, thiết nghĩ sự liên kết với nhau là hết sức cần thiết, để tự nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng trong nước trước sự tấn công mạnh mẽ của các ngân hàng nước ngoài.

1. Liên kết hoạt động của các NHTM Việt Nam:

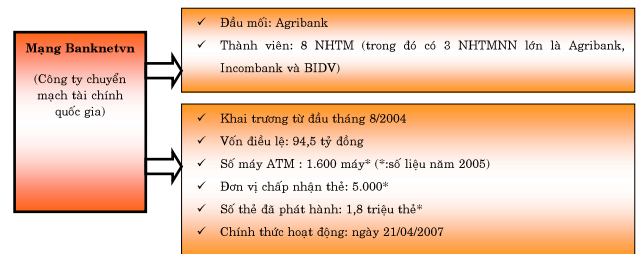
Bài viết sẽ chọn việc liên kết trong hoạt động thanh toán thẻ ATM làm ví dụ điển hình khi nghiên cứu về sự liên kết trong hoạt động của các NHTM Việt Nam.

Khi các ngân hàng liên kết với nhau, chiếc thẻ ATM sẽ giao dịch được ở tất cả các máy. Đó là sự tiện lợi lớn cho người dân và cả các ngân hàng nhờ tiết kiệm và giảm thiểu chi phí. Tuy nhiên, không phải ngân hàng nào cũng muốn liên kết. Thông thường,

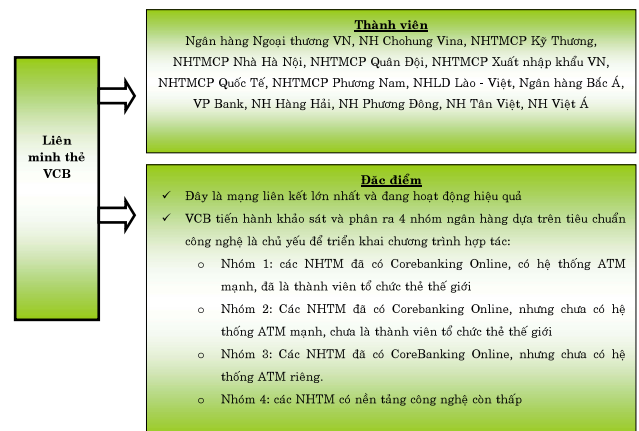
những ngân hàng mạnh về dịch vụ thẻ, về thương hiệu, về dịch vụ chưa sẵn sàng chia sẻ thị phần, công nghệ với các ngân hàng khác. Còn những ngân hàng nhỏ lại cho rằng, việc liên kết với một ngân hàng làm đầu mối là không phù hợp vì thông tin khách hàng sẽ không đảm bảo và có thể không khách quan trong việc kinh doanh vì chính ngân hàng làm đầu mối cũng là một đơn vị kinh doanh.

Hiện nay ở Việt Nam có 4 mạng liên kết thẻ ATM độc lập: mạng Banknet, liên minh thẻ VCB, mạng liên kết ANZ-Sacombank và mạng Bankcard-VNBC.

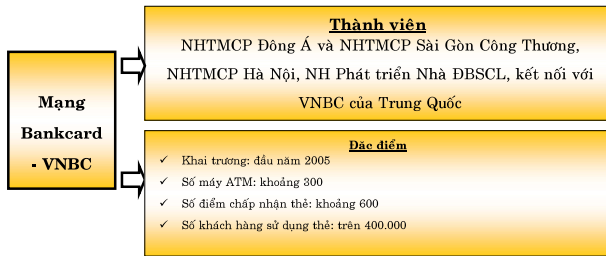
Sơ đồ 1: Mạng Banknetvn



Sơ đồ 2: Liên minh thẻ VCB



Sơ đồ 3: Mạng liên kết Bankcard - VNBC



Sơ đồ 4: Mạng liên kết ANZ - Sacombank



Việc thiếu liên kết giữa các hệ thống ATM của các ngân hàng gây nhiều hậu quả:

- Lãng phí tiền đầu tư của chính các ngân hàng. Các ngân hàng đã tốn một khoản quá lớn để đầu tư trang thiết bị, công nghệ, nhân lực để quản lý và vận hành các máy ATM. Trong khi đó, tính bình quân, mỗi máy ATM chỉ phục vụ khoảng vài trăm thẻ.
- Việc kết nối rời rạc tạo sự bất tiện cho người tiêu dùng. Khách hàng sử dụng thẻ ATM của ngân hàng này không thể giao dịch với thiết bị của ngân hàng khác.
- Không thu hút người dân đến với dịch vụ thẻ. Rõ ràng, nếu sử dụng thẻ chỉ để rút tiền và một vài dịch vụ đơn giản khác nhưng phải đi tìm đúng chiếc máy ATM của chính ngân hàng phát hành thẻ mới giao dịch được sẽ khiến nhiều khách hàng nản lòng. Khi đó, họ sẽ lại chọn giao dịch bằng tiền mặt.

Về công nghệ kết nối, mạng liên kết ATM của công ty chuyển mạch tài chính quốc gia và mạng liên kết hệ thống máy ATM do Vietcombank đứng đầu hiện nay là mô hình liên kết kiểu hình tháp (mạng ứng dụng mới liên kết hàng dọc). Các ngân hàng trong khu vực đã thực hiện mô hình này từ đầu thập kỷ 80. Ưu điểm của mô hình này là chi phí tương đối thấp. Bất kỳ một NHTM nào có quy mô lớn hoặc có tiềm lực tài chính đều có thể tiến hành đầu tư mạnh, sau đó các NHTM có quy mô nhỏ sẽ kết nối vào. Nhược điểm của mô hình này là bộ phận chuyển mạch chỉ ở một điểm. Vì vậy, khi một đầu mối của một NHTM bị trục trặc, bị quá tải, bị tê liệt thì toàn bộ mạng liên kết sẽ bị tê liệt theo. Và trên thực tế cũng đã xảy ra sự cố vào năm 2004. Hơn nữa, nếu chỉ sử dụng dịch vụ rút tiền tự động qua máy ATM thì mạng này thuận lợi, nhưng nếu phát triển các sản phẩm mới thì chỉ có NHTM làm đầu mối làm được còn các ngân hàng kết nối vào sẽ gặp khó khăn. Trong khi đó, mạng liên kết thẻ của các ngân hàng Trung Quốc là theo mô hình liên kết kiểu ngôi sao, hoạt động hiệu quả hơn rất nhiều.

Các chương trình phần mềm cho hoạt động dịch vụ nói chung và hoạt động thanh toán nói riêng của các ngân hàng Việt Nam cũng không theo một tiêu chuẩn chung nào. Có ngân hàng chọn giải pháp của một công ty Thụy Sĩ, có ngân hàng lại chọn giải pháp của các công ty Malaysia, Hàn Quốc, Singapore.

Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần có một mạng liên kết thống nhất giữa toàn bộ các ngân hàng ở Việt Nam để đảm bảo hiệu quả cho hoạt động của các ngân hàng và tiện lợi cho hàng triệu khách hàng sử dụng thẻ, hàng trăm siêu thị và trung tâm thương mại, điểm bán hàng và dịch vụ. Tất cả vì sự phát triển chung của thị trường thẻ Việt Nam và sự văn minh về thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế. Cạnh tranh có hợp tác sẽ thúc đẩy sự phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Trong tình hình này, vai trò chủ trì của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) là rất cần thiết. Mặc dù NHNN không can thiệp sâu vào hoạt động của các NHTM, nhưng việc định hướng về một sự phát triển lâu dài và bền vững cho cả nền kinh tế, bảo vệ quyền lợi của khách hàng là điều NHNN Việt Nam cần làm. Trên thực tế, NHNN Việt Nam đã có chủ trương kết nối 4 liên minh thẻ ATM thành một hệ thống. Đầu mối đứng ra làm công tác tập hợp là NHNN, hoặc Hiệp hội thẻ. Khi đó, NHNN nên đưa ra một chương trình hành động và yêu cầu các ngân hàng cùng tham gia.

Và tình hình có vẻ khả quan hơn với thị trường thẻ Việt Nam khi mạng Banknetvn của Công ty chuyển mạch tài chính quốc gia Việt Nam sau nhiều lần lùi hẹn đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 4/2007. Mục tiêu chính của Banknetvn là xây dựng hệ thống chuyển mạch tài chính quốc gia, kết nối các hệ thống thanh toán thẻ nói chung, hệ thống ATM/POS nói riêng của các ngân hàng ở Việt Nam, xử lý thanh toán bù trừ đối với các giao dịch thanh toán thẻ giữa các ngân hàng. Hệ thống Banknetvn kết nối thành công sẽ giúp hàng triệu người sử dụng thẻ tại Việt Nam thuận tiện hơn rất nhiều trong giao dịch thanh toán thẻ. Các NHTM cũng nhận thấy rõ việc liên kết trong hoạt động thanh toán thẻ không chỉ đem lại tiện ích cho khách hàng mà còn giúp các ngân hàng giảm thiểu chi phí. Vì vậy, Banknetvn đã nhận được rất nhiều đề nghị kết nối từ phía các ngân hàng. Liên minh thẻ do Ngân hàng Đông Á đứng đầu đã chính thức đề nghị được kết nối vào Banknetvn. Liên minh do Ngân hàng Ngoại Thương chủ trì cũng từng cam kết sẽ kết nối ngay khi Banknetvn hoạt động ổn định. Hơn thế, Banknetvn sẽ tiếp tục mở rộng kết nối với các tổ chức thẻ quốc tế và các tổ chức chuyển mạch tài chính quốc gia khác, đầu tiên sẽ là China Union Pay (Trung Quốc) và NETs (Singapore). Theo nhận định về tiềm năng, Việt Nam đang trên đà kinh tế phát triển, dân số trẻ chiếm tỷ lệ cao và đang mở rộng quan hệ giao thương với nước ngoài nên có nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển dịch vụ thẻ. Thị trường Việt Nam còn rất rộng lớn với số lượng thẻ dự kiến có thể lên đến 20 triệu (so với khoảng 3,5 triệu thẻ hiện tại).

Bên cạnh hướng liên kết trong hoạt động cung cấp và thanh toán thẻ, các ngân hàng Việt Nam cũng đang liên kết với nhau trong hoạt động cấp tín dụng khi cùng nhau tài trợ cho những dự án có quy mô lớn dưới hình thức đồng tài trợ. Có nhiều động lực khác nhau thúc đẩy các ngân hàng tham gia đồng tài trợ cho các dự án. Đồng tài trợ có thể xuất

Sau hơn một năm Việt Nam gia nhập

Thị trường vốn Việt Nam và những vấn đề

NGND.TS. NGUYỄN VĂN HÀ
PGS.TS. HÀ QUANG ĐÀO

Đặt vấn đề

Ngày 7-11-2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, tính đến nay đã được hơn 1 năm. Từ thời điểm đó cho đến nay, thị trường vốn Việt Nam mà trọng tâm là thị trường chứng khoán (TTCK) đã trải qua các giai đoạn phát triển thăng trầm và phần nào cũng theo sát diễn biến TTCK trên thế giới. Bên cạnh đó là thị trường tiền tệ, mà cụ thể là thị trường liên ngân hàng, thị trường mở, thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc Nhà nước,... cũng diễn ra hết sức sôi động. Quy mô chu chuyển vốn qua các tổ chức trung gian tài chính, chủ yếu là hệ thống ngân hàng tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên trong khuôn khổ của một bài báo, tác giả muốn tập trung bàn về TTCK trong hơn một năm qua.

Thực trạng thị trường vốn Việt Nam

1. Diễn biến của chỉ số và doanh số giao dịch trên TTCK:

Diễn biến của TTCK có thể chia làm bốn giai đoạn:

- **Giai đoạn I:** Từ đầu tháng 11-2006 khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO cho đến hết quý I-2007, TTCK Việt Nam phát triển

nóng, chỉ số VN – Index ngay thời điểm Việt Nam gia nhập WTO là tháng 11-2006 chỉ số VN-Index còn ở mức 660 điểm, thì lên tới đỉnh cao là ngày 12-3-2007 đạt 1.170,67 điểm, tăng gấp gần 2 lần chỉ trong vòng chưa đầy 5 tháng. Quy mô giao dịch bình quân của Sở Giao dịch chứng khoán (SGDCK) TP HCM – HOSE đạt 1.000 tỷ đồng/phiên.

Tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán (TTGDCK) Hà Nội, chỉ số HASTC-Index cuối tháng 12-2006 còn dừng ở mức 242,89 điểm, thời điểm đỉnh cao là ngày 9-3-2007 đã tăng lên trên 450 điểm, tăng gấp gần 2 lần chỉ trong có 3 tháng. Bình quân doanh số giao dịch đạt 400 tỷ đồng/ngày.

- **Giai đoạn II:** Từ đầu tháng 4 – 2007 đến giữa tháng 9-2007, thị trường lại trong quá trình điều chỉnh mạnh và kéo dài, chỉ số chứng khoán trên cả hai TTGDCK đều giảm thấp, giá cả cổ phiếu trên thị trường phi tập trung – OTC tụt dốc và hầu như có rất ít giao dịch. Từ đầu tháng 4-2007 VN - Index bắt đầu giảm mạnh, ngày 24-4-2007 giảm xuống còn 904 điểm, đến ngày 6-8-2007 tiếp tục giảm xuống còn 883,9 điểm và khối lượng giao dịch chỉ đạt 233,8 tỷ đồng. Chỉ số VN – Index trong tháng 8-2007 chỉ số VN-Index cũng đã có phục hồi, lên trên 900 điểm,

phát từ những quy định hay sự chỉ định của Chính phủ nhằm mục đích phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội quốc gia hoặc có thể xuất phát từ nhu cầu của chính các ngân hàng liên quan đến phân tán rủi ro, để phục vụ những khách hàng lớn với những dự án lớn, để không vi phạm giới hạn cho vay đối với một khách hàng. Dù xuất phát từ động lực nào đi nữa thì việc liên kết giữa các ngân hàng trong một dự án cũng rất cần thiết.

Qua một số dự án đồng tài trợ (bảng 1), có thể nhận thấy sự tham gia của các NHTMNN cùng các NHTMCP trong các dự án. Rõ ràng, nhu cầu liên kết trong hoạt động cấp tín dụng là rất cấp bách. Hơn thế, khi tham gia vào các dự án cho vay lớn, các NHTMCP có thể học hỏi những kinh nghiệm quản trị rủi ro tín dụng từ các ngân hàng có nhiều kinh nghiệm hơn ■

Bảng 1: Một số dự án đồng tài trợ tiêu biểu giữa các ngân hàng Việt Nam

Dự án	Tổ chức đầu mối	Các bên đồng tài trợ	Giá trị khoản tín dụng
Dự án xây dựng tổ hợp khách sạn 5 sao tại Trung tâm Hội nghị quốc gia	Incombank	Vietcombank Agribank NHLD Việt - Thái	783 tỷ đồng
Dự án phóng vệ tinh viễn thông Việt Nam (Vinasat)	Incombank	Vietcombank	Hơn 146 triệu USD
Dự án đóng 4 tàu xuất khẩu 2.600 tấn của Công ty Hồng Hà	NHTMCP Quân Đội	NHTMCP Nhà Hà Nội NHTMCP Phát triển nhà TP.HCM	7 triệu EUR
Dự án thủy điện Sông Ba Hạ (Gia Lai)	Incombank	Vietcombank Agribank BIDV	1.481 tỷ đồng

Nguồn: Tổng hợp từ trang Web của Bộ Kế hoạch - Đầu tư

(Xem tiếp số 25 tháng 04 năm 2008)